

Số: 13/2021/QĐST – HNGĐ

K, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú: Tổ 34xx cụm 4x, M, quận K, thành phố Hà Nội. Cư trú tại: A3Dxxx1 KĐT X, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H; sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ 34x cụm 4x, M, quận K, thành phố Hà Nội. Cư trú tại: A3Dxxx1 KĐT X, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang H có 02 con chung là Nguyễn Quang Minh, sinh ngày 11/11/2005 và Nguyễn Thùy Anh, sinh ngày 05/02/2016. Khi ly hôn, chị N nuôi con chung là Nguyễn Thùy Anh cho đến khi con chung Nguyễn Thùy Anh đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu khác, anh H nuôi con chung Nguyễn Quang Minh cho đến khi có yêu cầu khác. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi có yêu cầu khác.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2010/0005745 ngày 06/01/2021, hoàn trả chị N 150.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Quang Vinh, h. Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên (Số ĐKKH 11/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung